

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT MỘT SỐ YẾU TỐ TÍCH HỢP NỘI DUNG DẠY HỌC VỀ SINH THÁI TRONG BỘ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC *CHÂN TRỜI SÁNG TẠO* (NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM)

PHẠM ĐÌNH CÚC HÂN*

TÓM TẮT: Bài viết khảo sát bước đầu việc tích hợp nội dung dạy học về sinh thái trong bộ sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học *Chân trời sáng tạo* từ góc nhìn Ngôn ngữ học sinh thái. Kết quả cho thấy sách lồng ghép đa dạng các chủ đề sinh thái vào hệ thống bài học thông qua các hoạt động ngôn ngữ. Nội dung này góp phần phát triển ý thức bảo vệ môi trường và hành vi phát triển bền vững ở học sinh. Tuy nhiên, một số văn bản vẫn thể hiện tư duy khai thác thiên nhiên một chiều, cần được điều chỉnh trong định hướng diễn ngôn. Khi đối sánh với các bộ sách khác, bài viết ghi nhận sự đa dạng trong cách tiếp cận giáo dục sinh thái, từ đó gợi mở hướng khai thác linh hoạt, sâu sắc hơn trong giảng dạy.

TỪ KHÓA: Ngôn ngữ học sinh thái; sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học; bộ sách “Chân trời sáng tạo”; nội dung dạy học về sinh thái.

NHẬN BÀI: 17/03/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/06/2025

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xã hội không ngừng phát triển, con người vừa là tác nhân gây biến đổi môi trường tự nhiên - xã hội, vừa chịu tác động từ sự thay đổi đó. Trước thực trạng này, việc nâng cao nhận thức và điều chỉnh hành vi nhằm hướng đến sự phát triển bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết.

Trong dạy học, sách giáo khoa không chỉ cung cấp tri thức mà còn tích hợp các yếu tố văn hóa, xã hội và môi trường nhằm phát triển toàn diện người học. Bộ sách *Chân trời sáng tạo* tạo điều kiện để học sinh tiếp cận ngôn ngữ gắn với các vấn đề sinh thái. Việc nghiên cứu sách giáo khoa Tiếng Việt từ các góc độ của Ngôn ngữ học sinh thái sẽ góp phần làm rõ cách thức ngôn ngữ được sử dụng để xây dựng hình ảnh, biểu đạt quan điểm sinh thái và khuyến khích hành vi bền vững.

Do đó, trong giai đoạn hiện nay khi phát triển bền vững trở thành định hướng trọng tâm của giáo dục và xã hội, việc tích hợp nội dung sinh thái vào dạy học giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là cách giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh, mà còn là cơ sở để hình thành những giá trị sống tích cực, góp phần nuôi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Việc đưa các nội dung sinh thái vào sách giáo khoa, đặc biệt là trong môn Tiếng Việt - nơi ngôn ngữ trở thành công cụ truyền tải tư tưởng và cảm xúc - sẽ tạo tiền đề cho giáo dục phát triển toàn diện, góp phần hình thành công dân có tư duy phản biện, nhân văn và hành động vì một tương lai bền vững.

2. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

2.1. Phát triển bền vững và bối cảnh

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với hàng loạt thách thức nghiêm trọng về môi trường như biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm tài nguyên và bất bình đẳng trong phát triển, đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển bền vững. Các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc đã triển khai Chương trình nghị sự 2030 với 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), trong đó SDG-4 nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc trang bị tri thức và kỹ năng hành động vì phát triển bền vững. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật và gần đây là Chỉ thị của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2024) triển khai Kết luận số 81-KL/TW về Ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi

*Trường Đại học Sài Gòn; Email: pdchan@sgu.edu.vn

trường. Trong lĩnh vực giáo dục, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã tích hợp các nội dung môi trường và phát triển bền vững vào nhiều môn học, đặc biệt là môn Tiếng Việt ở cấp tiểu học. Trong đó, sách giáo khoa không chỉ là phương tiện truyền đạt tri thức mà còn góp phần định hình nhận thức và hành vi có trách nhiệm với môi trường sống. Do đó, việc nghiên cứu nội dung dạy học về sinh thái trong bộ sách giáo khoa Tiếng Việt *Chân trời sáng tạo* từ góc nhìn Ngôn ngữ học sinh thái là cần thiết nhằm làm rõ cách sử dụng ngôn ngữ trong việc khơi gợi tư duy sinh thái và thúc đẩy hành động bền vững trong thế hệ trẻ.

2.2. Cách xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong bối cảnh phát triển bền vững

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có nhiều đổi mới quan trọng về nội dung trong đó nhấn mạnh đến giáo dục môi trường, hệ sinh thái và phát triển bền vững. Các nội dung này không chỉ được tích hợp vào nhóm môn học về Khoa học Tự nhiên, Địa lí mà còn được lồng ghép trong nhiều môn học khác như Ngữ văn/ Tiếng Việt, Giáo dục công dân/ Đạo đức nhằm giúp học sinh hình thành nhận thức và trách nhiệm đối với các vấn đề môi trường sinh thái trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Chương trình tổng thể 2018 nêu: “*Những biến đổi về khí hậu, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái và những biến động về chính trị, xã hội cũng đặt ra những thách thức có tính toàn cầu. Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hoá vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu.*” (Dẫn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr.3). Có thể thấy, Chương trình nhấn mạnh bối cảnh toàn cầu với những thay đổi sâu sắc về khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức và các thách thức môi trường, chính trị - xã hội, từ đó khẳng định nhu cầu cấp thiết phải đổi mới giáo dục, hướng đến phát triển bền vững.

Chương trình môn Ngữ văn (ở Tiểu học) có nhiều nội dung liên quan đến giáo dục môi trường, hệ sinh thái và phát triển bền vững. Nhiều tác phẩm được lựa chọn phản ánh vẻ đẹp của thiên nhiên, tầm quan trọng của môi trường sống và mối quan hệ giữa con người với hệ sinh thái được thể hiện rõ qua từng yêu cầu cần đạt của chủ điểm, mục tiêu của mỗi bài học. Thông qua đọc, viết và thảo luận về các vấn đề môi trường, học sinh được khuyến khích hình thành thái độ yêu quý, trân trọng thiên nhiên, từ đó nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Điều này được thể hiện rõ qua yêu cầu cần đạt của môn học. Học sinh cần có ý thức và hành động bảo vệ môi trường sống, yêu quý thiên nhiên, tôn trọng sự sống. Để đạt được mục tiêu này, chương trình triển khai thông qua các văn bản đọc hiểu, các dạng bài tập luyện từ và câu về thiên nhiên, môi trường và yêu cầu học sinh thực hiện các hoạt động tìm hiểu, bảo vệ môi trường tại địa phương. Những nội dung này không chỉ giúp học sinh nâng cao nhận thức mà còn hướng đến sự phát triển bền vững và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với môi trường sống.

2.3. Sách giáo khoa “Chân trời sáng tạo” với các yếu tố tích hợp

Sách giáo khoa Tiếng Việt bộ *Chân trời sáng tạo* được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện cho học sinh tiểu học, phù hợp với tinh thần đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Một trong những điểm nổi bật của bộ sách là việc tích hợp nhiều nội dung giáo dục có tính chất liên môn và thực tiễn xã hội vào quá trình dạy học tiếng Việt. Các yếu tố tích hợp này bao gồm: giáo dục đạo đức và lối sống, quyền trẻ em, tình cảm gia đình và cộng đồng, tình thân yêu nước gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng hành vi ứng xử văn minh, lịch sự,... Những nội dung này không được đưa vào một cách riêng biệt mà được lồng ghép linh hoạt trong hệ thống ngữ liệu, qua các bài đọc, bài viết, bài kể chuyện, luyện tập từ và câu, cũng như hoạt động nói - nghe. Cách tiếp cận này giúp học sinh không chỉ phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn dần hình thành thái độ sống tích cực, nhân văn, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và đất nước, qua đó kết nối hiệu quả giữa nội dung học tập và thực tiễn đời sống hàng ngày.

Trong số các nội dung tích hợp, yếu tố sinh thái được thể hiện rõ nét và xuyên suốt trong nhiều bài học thuộc các lớp từ 1 đến 5, với các chủ đề như bảo vệ rừng, giữ gìn nguồn nước sạch, giữ gìn

môi trường sống, ứng phó với thiên tai, và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Những văn bản ấy không chỉ cung cấp tri thức về thiên nhiên mà còn truyền tải những thông điệp mạnh mẽ về trách nhiệm của con người đối với môi trường. Học sinh được khuyến khích thể hiện cảm xúc, suy nghĩ và hành động cụ thể thông qua các hoạt động như viết đoạn văn, kể chuyện, đóng vai hoặc thảo luận nhóm về các vấn đề môi trường gần gũi với cuộc sống. Sự lồng ghép này không chỉ góp phần phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt mà còn tạo điều kiện để học sinh hình thành tư duy sinh thái, phát triển khả năng quan sát, đánh giá và phản hồi về các vấn đề môi trường từ góc độ cá nhân và cộng đồng. Có thể nói, việc tích hợp yếu tố sinh thái trong sách giáo khoa Tiếng Việt bộ *Chân trời sáng tạo* chính là bước đi phù hợp với định hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững, tạo nền tảng cho học sinh trở thành những công dân có ý thức và hành vi trách nhiệm với hệ sinh thái trong tương lai.

3. Nội dung dạy học về sinh thái tích hợp trong sách giáo khoa Tiếng Việt “Chân trời sáng tạo”

Việc lồng ghép nội dung dạy học về sinh thái nhằm phát triển bền vững trong sách giáo khoa Tiếng Việt *Chân trời sáng tạo* được thể hiện thông qua nhiều hoạt động dạy và học khác nhau như: hoạt động dạy học đọc thành tiếng, tìm hiểu bài; kiến thức liên quan đến từ và câu; kể chuyện; viết văn sáng tạo và nói và nghe với thông điệp bảo vệ môi trường sống. Các bài học không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức ngôn ngữ mà còn tạo cơ hội để các em hình thành nhận thức và thái độ tích cực đối với môi trường và sự phát triển bền vững.

- Về cách xây dựng nội dung bài đọc (phần luyện đọc và tìm hiểu bài):

Phần đọc trong sách giáo khoa *Chân trời sáng tạo* khai thác đa dạng các chủ điểm liên quan đến thiên nhiên, môi trường và sự chan hòa giữa con người với thiên nhiên, giữa những dân tộc, văn hóa,... Chẳng hạn như “Ngàn hoa khoe sắc” (Tiếng Việt 1 - TV1, tập 2); “Nơi chốn thân quen”, “Thiên nhiên muôn màu”, “Sắc màu quê hương”, “Việt Nam mến yêu”, “Bài ca Trái đất” (Tiếng Việt 2 - TV2, tập 2); “Thiên nhiên kì thú”, “Quê hương tươi đẹp”, “Đất nước mến yêu”, “Một mái nhà chung” (Tiếng Việt 3 - TV3, tập 2); “Việt Nam quê hương em”, “Thế giới quanh ta” (Tiếng Việt 4 - TV4, tập 2); “Giữ mãi màu xanh”, “Khúc ca hòa bình”, “Chân trời rộng mở” (Tiếng Việt 5 - TV5, tập 2),...

Bên cạnh những chủ điểm lớn, một số các bài đọc thể hiện tinh thần của ngôn ngữ học sinh thái cũng được lồng ghép, xen kẽ trong các chủ điểm khác. Tất cả các bài đọc đều thể hiện tinh thần đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên, sự phong phú của hệ sinh thái đến những vấn đề môi trường đang đối mặt như biến đổi khí hậu, ô nhiễm, bảo tồn động thực vật,... Các văn bản đọc không chỉ giúp học sinh trau dồi kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu mà còn tạo điều kiện để các em nhận thức rõ hơn về vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường.

- Về cách xây dựng các bài tập luyện từ và câu:

Phần luyện từ và câu trong sách giáo khoa *Chân trời sáng tạo* có tích hợp một số bài tập có nội dung gắn với các vấn đề môi trường, giúp học sinh vừa mở rộng vốn từ vựng vừa hiểu sâu hơn về các khái niệm sinh thái. Các bài tập có thể yêu cầu học sinh phân loại từ ngữ liên quan đến thiên nhiên, sử dụng câu miêu tả về cảnh vật hoặc xây dựng các câu có nội dung bảo vệ môi trường. Chẳng hạn như Mở rộng vốn từ: “Bốn mùa, Thiên nhiên, Quê hương, Trái đất” (TV2, tập 2); Mở rộng vốn từ: “Thiên nhiên, Quê hương, Đất nước, Môi trường” (TV3, tập 2); Mở rộng vốn từ: “Quê hương” (TV4, tập 2); “Môi trường, Đất nước, Hòa bình, Khám phá” (TV5, tập 2),...

- Về cách xây dựng nội dung kể chuyện (đọc - kể, nghe - kể):

Hoạt động kể chuyện trong sách giáo khoa Tiếng Việt *Chân trời sáng tạo* không chỉ giúp học sinh rèn luyện kĩ năng diễn đạt mà còn tạo cơ hội để học sinh tiếp nhận và lan tỏa các giá trị sinh thái thông qua các chủ đề về kể chuyện gắn với thiên nhiên và môi trường; khai thác nhân vật và tình huống giàu tính giáo dục môi trường; rèn luyện kĩ năng kể chuyện theo hướng phản ánh vấn đề môi trường; phát triển tư duy phản biện và thảo luận qua hoạt động kể chuyện. Chẳng hạn như “Chuyện ở phố cây xanh”, “Loài chim học xây tổ” (TV2, tập 1); “Khu vườn tuổi thơ”, “Chuyện của cây sồi”, (TV2, tập 1); “Bông lúa” (TV3, tập 2). Nhìn chung, nội dung kể chuyện trong sách giáo khoa Tiếng

Việt *Chân trời sáng tạo* đã có sự lồng ghép yếu tố phát triển bền vững một cách tự nhiên thông qua các hoạt động kể chuyện.

- Về cách xây dựng bài viết đoạn văn/ bài văn sáng tạo:

Hoạt động viết trong sách giáo khoa Tiếng Việt *Chân trời sáng tạo* hướng đến việc khuyến khích học sinh thể hiện quan điểm và ý tưởng sáng tạo về chủ đề môi trường. Các đề bài viết có thể yêu cầu học sinh miêu tả cảnh thiên nhiên, viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm bảo vệ môi trường hoặc xây dựng các câu chuyện sáng tạo về sự chung sống hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Chẳng hạn như “Viết về tình cảm, cảm xúc với một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở”, “Viết về tình cảm, cảm xúc với một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam”, “Thuật lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường” (TV3, tập 2); “Viết đoạn văn/ bài văn cho bài văn tả cây cối” (TV4, tập 2); “Viết đoạn văn/ bài văn cho bài văn tả cảnh” (TV5, tập 1). Đây là một trong những hoạt động giúp học sinh kết nối kiến thức ngôn ngữ với thực tiễn cuộc sống, từ đó nuôi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường ngay từ nhỏ.

- Về cách xây dựng các nội dung nói và nghe:

Phản nói và nghe trong sách giáo khoa Tiếng Việt *Chân trời sáng tạo* cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục phát triển bền vững. Các bài học khuyến khích học sinh thảo luận, chia sẻ quan điểm về các vấn đề môi trường, trình bày suy nghĩ về sự thay đổi của thiên nhiên và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường. Chẳng hạn: “Giới thiệu một cảnh đẹp”, “Nói về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường” (TV4, tập 2); “Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng” (TV5, tập 1); “Thảo luận theo chủ đề Vì môi trường xanh”, “Trao đổi ý kiến với người thân Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi”, “Giới thiệu về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh” (TV5, tập 2). Qua đó, học sinh không chỉ rèn luyện kỹ năng giao tiếp mà còn phát triển tư duy phản biện và ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

Mặc dù sách giáo khoa Tiếng Việt bộ *Chân trời sáng tạo* đã có nhiều nỗ lực trong việc tích hợp nội dung sinh thái, song vẫn tồn tại một số hình thức diễn đạt tiềm ẩn nguy cơ củng cố tư duy con người thống trị thiên nhiên. Vì vậy trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần có cách khai thác Các văn bản như *Bông hoa niềm vui* (TV1), *Đầm sen* (TV2), *Ý tưởng của chúng mình* (TV3), hay *Buổi sáng ở Hòn Gai* (TV4) tuy ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và khuyến khích sáng tạo, nhưng đôi khi vẫn thể hiện cách nhìn vật hóa hoặc nhân hóa thiên nhiên theo hướng phục tùng, thay vì nhân mạnh mối quan hệ phụ thuộc hai chiều giữa con người và môi trường. Một số hành vi như hái hoa, bắt côn trùng, khai thác tài nguyên biển được miêu tả thiếu định hướng phản tư sẽ dễ khiến học sinh tiếp nhận thiên nhiên như một nguồn tài nguyên phục vụ con người, thay vì một thực thể sống có giá trị tự thân. Việc giáo dục sinh thái không nên dừng lại ở miêu tả cảm tính mà cần lồng ghép các định hướng tư duy phản biện, hành vi cụ thể và sự tôn trọng lẫn nhau giữa con người và tự nhiên. Những câu chuyện như *Quà sinh nhật* (TV5) có thể trở thành mô hình sinh thái tích cực nếu được khai thác đúng hướng, nhấn mạnh đến việc chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên thay vì chỉ khai thác. Do đó, quá trình giảng dạy các nội dung tích hợp về sinh thái trong bộ sách giáo khoa *Chân trời sáng tạo* cần tiếp tục điều chỉnh và phát triển các chiến lược ngôn ngữ nhằm nuôi dưỡng ý thức sống hài hòa, trách nhiệm - một tinh thần cốt lõi của giáo dục vì sự phát triển bền vững.

4. Đánh giá và đối sánh sơ lược về yếu tố tích hợp nội dung dạy học về sinh thái với bộ sách giáo khoa khác

Sách giáo khoa Tiếng Việt bộ *Chân trời sáng tạo* thể hiện rõ nỗ lực tích hợp đa dạng các chủ điểm sinh thái trong chương trình học, đặc biệt ở các lớp từ 1 đến 5. Các yếu tố sinh thái tự nhiên được khai thác phong phú qua các chủ đề như: cảnh quan rừng, sông, biển, đồng ruộng, hoa cỏ, chim muông, côn trùng, cũng như các vấn đề thời sự như ô nhiễm môi trường, rác thải nhựa, biến đổi khí hậu, và bảo tồn tài nguyên. Các chủ điểm này xuất hiện xuyên suốt trong các văn bản đọc, viết, nói và nghe với nhiều thể loại phong phú như văn miêu tả, kể chuyện, thơ, văn bản thông tin... Các bài học như *Đầm sen*, *Sóng và cát ở Trường Sa*, *Giữ cho phố phường xanh - sạch - đẹp*, hay *Ý tưởng của*

chúng mình không chỉ truyền tải vẻ đẹp của tự nhiên mà còn khơi gợi suy nghĩ về trách nhiệm và hành động bảo vệ môi trường.

Bên cạnh nội dung văn bản, sách giáo khoa *Chân trời sáng tạo* còn tích hợp sinh thái qua các hoạt động học tập như luyện từ và câu, viết đoạn văn, kể chuyện theo chủ đề môi trường, hoặc thuyết trình và thảo luận về các việc làm bảo vệ thiên nhiên. Học sinh được khuyến khích thuật lại một việc làm bảo vệ môi trường, bày tỏ cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên quê hương, hoặc tưởng tượng các sáng kiến công nghệ thân thiện môi trường. Những hoạt động như vậy không chỉ giúp phát triển kỹ năng ngôn ngữ, mà còn định hướng cho học sinh tư duy sinh thái từ góc nhìn cá nhân đến trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nội dung sinh thái trong sách vẫn còn thiên về cảm xúc hoặc truyền cảm hứng đạo đức một chiều, thiếu chiều sâu về mặt phân tích mối quan hệ tương tác giữa con người và hệ sinh thái. Điều này cho thấy cần bổ sung thêm các định hướng phân tư hoặc hướng dẫn hành động cụ thể để tránh hiểu nhầm hoặc đơn giản hóa vấn đề sinh thái.

Khi đối chiếu với hai bộ sách giáo khoa phổ biến khác là *Kết nối tri thức với cuộc sống* và *Cánh Diều*, có thể nhận thấy sự khác biệt rõ nét về cách tiếp cận và triển khai nội dung sinh thái. Bộ *Chân trời sáng tạo* thiên về khơi gợi cảm xúc và giáo dục hành vi qua các văn bản kể chuyện hoặc tả cảnh giàu hình ảnh và cảm xúc. Phần câu hỏi sau bài đọc thường hướng học sinh đến việc suy ngẫm cá nhân và hành động cụ thể mang tính đạo đức. Trong khi đó, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* lại nhấn mạnh tính khoa học, thực tiễn và tư duy phân tích. Các bài học trong *Kết nối tri thức với cuộc sống* thường cung cấp thông tin rõ ràng về hiện tượng môi trường, nguyên nhân - hậu quả và gợi ý giải pháp, từ đó giúp học sinh hiểu được các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu hay ô nhiễm nguồn nước,...

Còn bộ *Cánh Diều* lựa chọn phong cách dung hòa giữa cảm xúc và tư duy. Các bài học sinh thái trong bộ này không chỉ kể chuyện hay miêu tả mà còn kết hợp linh hoạt giữa văn bản nghệ thuật và văn bản thông tin. Câu hỏi và hoạt động sau bài thường vừa khai thác cảm xúc (bày tỏ tình cảm với thiên nhiên), vừa yêu cầu học sinh suy nghĩ và hành động (kể về việc làm bảo vệ môi trường, viết bài tuyên truyền, thuyết trình theo nhóm). Đặc biệt, *Cánh Diều* cũng triển khai nhiều hoạt động học tập mở như vẽ tranh, viết nhật ký thiên nhiên, đóng vai nhân vật bảo vệ môi trường... tạo điều kiện để học sinh thể hiện bản thân theo nhiều hình thức khác nhau. Từ sự so sánh này có thể thấy rằng, mỗi bộ sách giáo khoa mang một định hướng khác nhau. Sự khác biệt này góp phần tạo nên bức tranh giáo dục ngôn ngữ sinh thái phong phú, linh hoạt và phù hợp với từng đặc điểm địa phương, vùng miền và đối tượng người học.

5. Kết luận

Tích hợp nội dung sinh thái trong sách giáo khoa Tiếng Việt, đặc biệt là bộ *Chân trời sáng tạo*, thể hiện rõ vai trò của giáo dục trong việc nuôi dưỡng tư duy phát triển bền vững cho học sinh tiểu học. Thông qua hệ thống bài học đa dạng về chủ đề, thể loại và hoạt động dạy học, bộ sách góp phần hình thành nhận thức, thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít hạn chế trong cách diễn đạt thiên nhiên theo hướng khai thác một chiều ở một vài văn bản, cần được điều chỉnh để nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều giữa con người và hệ sinh thái. Khi so sánh với các bộ sách *Cánh Diều* và *Kết nối tri thức với cuộc sống*, có thể thấy mỗi bộ đều có cách tiếp cận riêng trong giáo dục sinh thái, tạo nên sự đa dạng và linh hoạt trong triển khai chương trình. Đây là cơ sở quan trọng để giáo viên khai thác hiệu quả nội dung tích hợp, góp phần hình thành thể hệ học sinh có ý thức sinh thái và trách nhiệm với hệ sinh thái toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông - Môn Ngữ văn*. (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể*. (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) - TV1, Nguyễn Thị Ly Kha, & Trịnh Cam Ly (Đồng chủ biên) - TV2 - TV5 (2020-2025), *Sách giáo khoa tiếng Việt bậc Tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5), bộ sách Chân trời sáng tạo*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Văn Hiệp (2024), “Ngôn ngữ học sinh thái (ecolinguistics) và bước đầu khảo sát sách tiếng Việt tiểu học (Bộ kết nối tri thức với cuộc sống) từ quan điểm của ngôn ngữ học sinh thái”. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 6 - 2024.

Tiếng Anh

5. Fill, A., & Mühlhäusler, P. (Eds.). (2001), *The Ecolinguistics Reader: Language, Ecology, and Environment*. Continuum.
6. Haugen, E. (1972), *The Ecology of Language*. Stanford University Press.
7. Stibbe, A. (2015), *Ecolinguistics: Language, Ecology and the Stories We Live By*. Routledge.

A preliminary study on the integration of ecological education elements in the *Chân trời sáng tạo* primary Vietnamese language textbook series (Vietnam Education Publishing House Limited Company)

Abstract: This study provides a preliminary investigation into the integration of ecological education content in the *Chân trời sáng tạo* - primary Vietnamese language textbook series, viewed through the lens of ecolinguistics. Findings indicate that the textbook incorporates a wide range of ecological themes across language learning activities, contributing to the development of environmental awareness and sustainable behavior among students. However, certain texts still reflect an anthropocentric perspective that portrays nature as a resource for human use, suggesting a need to revise the discursive orientation. A comparative analysis with other textbook series reveals diverse approaches to ecological education, thereby offering pedagogical implications for more flexible and in-depth ecological integration in teaching practices.

Key words: Ecological linguistics; Vietnamese Elementary Textbooks; “*Chân trời sáng tạo*” series; Ecological Education Content.